



HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

Văn phòng Công nhận Chất lượng/ Bureau of Accreditation
8 Hoang Quoc Viet, Hanoi; Tel: (+84 24) 37911552; Fax: (+84 24) 37911551; <http://www.boa.gov.vn>

**YÊU CẦU BỔ SUNG TRONG VIỆC
CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN GLOBALG.A.P.**
*SPECIFIC REQUIREMENTS FOR ACCREDITATION OF
CB OPERATING GLOBALG.A.P. CERTIFICATION*

Mã số/ Code: ARC.10

Lần ban hành/ Issue number: 3.00

Ngày ban hành/ Issue date: 02/01/2020

1. Mục đích

Tài liệu này đưa ra yêu cầu cụ thể cho việc công nhận tổ chức chứng nhận GLOBALG.A.P. (TCCN).

2. Tài liệu liên quan

- GLOBALG.A.P. General Regulations Part III
- GLOBALG.A.P. Supporting Document – Scope of ISO/IEC 17065 Accreditation for GLOBALG.A.P. Standards

3. Yêu cầu về khách hàng của TCCN

TCCN phải hoàn thành quá trình chứng nhận cho ít nhất 01 khách hàng.

4. Yêu cầu về năng lực Đánh giá viên và Kiểm tra viên của TCCN

Đánh giá viên và Kiểm tra viên phải có trình độ Đại học trở lên.

5. Phạm vi công nhận và các chuẩn mực công nhận, chuẩn mực chứng nhận tương ứng

BoA cấp công nhận cho các TCCN theo các nhóm sản phẩm dưới đây:

1. Purpose

This document specifies the requirements for accreditation of GLOBALG.A.P. certification bodies (CB).

2. Reference

- GLOBALG.A.P. General Regulations Part III
- GLOBALG.A.P. Supporting Document – Scope of ISO/IEC 17065 Accreditation for GLOBALG.A.P. Standards

3. Requirements regarding clients of CB

CB shall complete the certification process for at least 01 client.

4. Requirements regarding competence of CB's Auditors and Inspectors

Auditors and Inspectors shall be at least university graduated.

5. Scope of accreditation and relevant accreditation criteria, certification criteria

BoA grants accreditation for CBs according to the following product groups:

Phạm vi công nhận <i>Accreditation scope</i>		Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Chuẩn mực công nhận <i>Accreditation criteria</i>
Nhóm <i>Scopes</i>	Phân nhóm <i>Sub-scopes</i>		
Trang trại trồng trọt <i>Integrated Farm Assurance (IFA) – Crop Base</i>	Rau và Quả <i>Fruit & Vegetables</i>	GLOBALG.A.P. IFA All Farm Base – Crops Base – Fruit and Vegetables – Control Points and Compliance Criteria (CPCC)	ISO/IEC 17065 GLOBALG.A.P. General Regulations Part I GLOBALG.A.P. General Regulations Part II GLOBALG.A.P. General Regulations Part III GLOBALG.A.P. General Regulations – Crop Rules
	Hoa và Cây cảnh <i>Flowers & Ornamentals</i>	GLOBALG.A.P. IFA All Farm Base – Crops Base – Flowers & Ornamentals – CPCC	
	Cây lương thực <i>Combinable Crops</i>	GLOBALG.A.P. IFA All Farm Base – Crops Base – Combinable Crops – CPCC	
	Giống cây trồng <i>Plant Propagation Material</i>	GLOBALG.A.P. IFA All Farm Base – Crops Base – Plant Propagation Material – Best Practices for Nurseries – CPCC	
	Chè <i>Tea</i>	GLOBALG.A.P. IFA All Farm Base – Crops Base – Tea – CPCC	
	Hoa bia <i>Hop</i>	GLOBALG.A.P. IFA All Farm Base – Crops Base – Hop – CPCC	

Phạm vi công nhận <i>Accreditation scope</i>		Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Chuẩn mực công nhận <i>Accreditation criteria</i>
Nhóm <i>Scopes</i>	Phân nhóm <i>Sub-scopes</i>		
Trang trại chăn nuôi <i>Integrated Farm Assurance (IFA) – Livestock Base</i>	Gia súc và Cừu <i>Cattle & Sheep</i>	GLOBALG.A.P. IFA All Farm Base – Livestock Base – Ruminant Base – Cattle and Sheep – CPCC	ISO/IEC 17065 GLOBALG.A.P. General Regulations Part I GLOBALG.A.P. General Regulations Part II GLOBALG.A.P. General Regulations Part III GLOBALG.A.P. General Regulations – Livestock Rules
	Bê và Bò non <i>Calf & Young Beef</i>	GLOBALG.A.P. IFA All Farm Base – Livestock Base – Ruminant Base – Cattle and Sheep – Calves and Young Beef – CPCC	
	Vật nuôi lấy sữa <i>Dairy</i>	GLOBALG.A.P. IFA All Farm Base – Livestock Base – Ruminant Base – Cattle and Sheep – Dairy – CPCC	
	Lợn <i>Pigs</i>	GLOBALG.A.P. IFA All Farm Base – Livestock Base – Pigs – CPCC	
	Gia cầm <i>Poultry</i>	GLOBALG.A.P. IFA All Farm Base – Livestock Base – Poultry – CPCC	
	Gà tây <i>Turkey</i>	GLOBALG.A.P. IFA All Farm Base – Livestock Base – Turkey – CPCC	
Trang trại nuôi trồng thủy sản <i>Integrated Farm Assurance (IFA) – Aquaculture Base</i>	GLOBALG.A.P. IFA All Farm Base – Aquaculture Module – CPCC	ISO/IEC 17065 GLOBALG.A.P. General Regulations Part I GLOBALG.A.P. General Regulations Part II GLOBALG.A.P. General Regulations Part III GLOBALG.A.P. General Regulations – Aquaculture Rules	
Truy xuất nguồn gốc <i>Chain of Custody</i>	GLOBALG.A.P. Chain of Custody Standard – CPCC	ISO/IEC 17065 GLOBALG.A.P. Chain of Custody Standard – General Regulations	

Phạm vi công nhận <i>Accreditation scope</i>		Chuẩn mực chứng nhận <i>Certification criteria</i>	Chuẩn mực công nhận <i>Accreditation criteria</i>
Nhóm <i>Scopes</i>	Phân nhóm <i>Sub-scopes</i>		
Sản xuất thức ăn chăn nuôi hỗn hợp <i>Compound Feed Manufacturing</i>		GLOBALG.A.P. Compound Feed Manufacturing – CPCC	ISO/IEC 17065 GLOBALG.A.P. General Regulations Part I GLOBALG.A.P. General Regulations Part II GLOBALG.A.P. General Regulations Part III GLOBALG.A.P. Compound Feed Manufacturing General Rules – Addendum to GLOBALG.A.P. General Regulations

BoA cấp công nhận cho các TCCN theo các Lựa chọn sau:

- Lựa chọn 1: Chứng nhận đơn lẻ;
- Lựa chọn 1: Nhiều địa điểm không có QMS;
- Lựa chọn 1: Nhiều địa điểm có QMS;
- Lựa chọn 2.

6. Yêu cầu về đánh giá chứng kiến

Khi đánh giá chứng kiến, đoàn đánh giá công nhận phải có năng lực kỹ thuật.

6.1 Chứng kiến khi đánh giá công nhận lần đầu

Phải chứng kiến tối thiểu 01 phân nhóm trong mỗi nhóm đăng ký công nhận.

Để công nhận cho Lựa chọn 1 - Nhiều địa điểm có QMS và Lựa chọn 2, phải chứng kiến ít nhất 01 cuộc theo một trong các Lựa chọn này.

6.2 Chứng kiến để duy trì công nhận

Trong một chu kỳ công nhận (bao gồm giám sát lần 1, giám sát lần 2 và công nhận lại), đối với mỗi nhóm được công nhận:

- Phải chứng kiến tất cả các phân nhóm được công nhận;

BoA grants accreditation for CBs according to the following Options:

- Option 1: Individual Certification;
- Option 1: Multisite without QMS;
- Option 1: Multisite with QMS;
- Option 2.

6. Requirements regarding witnessing

In witnessing assessment, the assessment team shall have technical competence.

6.1 Witnessing for initial assessment

At least 01 sub-scope shall be witnessed for each applied scope.

To grant accreditation for Option 1 – Multisite with QMS and Option 2, at least 01 witnessing of one of these Options shall be conducted.

6.2 Witnessing for maintaining of accreditation

In an accreditation cycle (meaning from 1st surveillance to reassessment), for each accredited scope:

- All the accredited sub-scopes shall be witnessed;

- Phải chứng kiến tối thiểu 01 cuộc theo Lựa chọn 1 - Nhiều địa điểm có QMS hoặc Lựa chọn 2 nếu phạm vi công nhận có bao gồm các lựa chọn này.

Ngoài ra, trong một chu kỳ công nhận cần chứng kiến:

- Các chuyên gia đánh giá khác nhau;
- Các khách hàng khác nhau;
- Các loại hình đánh giá khác nhau (đánh giá chứng nhận lần đầu, đánh giá giám sát, đánh giá tái chứng nhận).

6.3 Chứng kiến để mở rộng phạm vi công nhận

Phải chứng kiến tối thiểu 01 phân nhóm trong mỗi nhóm đăng ký mở rộng.

Không yêu cầu chứng kiến khi mở rộng thêm phân nhóm trong cùng nhóm đã được công nhận.

7. Xác định thời lượng đánh giá công nhận

- At least 01 witnessing of Option 1 – Multisite with QMS or Option 2 shall be witnessed if included in the scope of accreditation;

In addition, in an accreditation cycle, it is necessary to witness:

- Different auditors;
- Different audited clients;
- Different types of audit (initial certification, surveillance and re-certification).

6.3 Witnessing for extension of accreditation

At least 01 sub-scope within each scope applied for extension shall be witnessed.

Witnessing is not required for extension to new sub-scope within an accredited scope.

7. Determination of assessment duration

Hoạt động đánh giá/ <i>Assessment activities</i>	Thời lượng/ <i>Duration</i>
Xem xét tài liệu hệ thống (đối với công nhận lần đầu, chuyển đổi tiêu chuẩn)/ <i>Document review (applicable for initial assessment, transition to new assessment standard)</i>	1 MD
Đánh giá tại văn phòng/ <i>Office assessment:</i>	
• Đánh giá công nhận lần đầu/ <i>Initial assessment</i>	3 MD
• Đánh giá giám sát/ <i>Surveillance assessment</i>	1 MD
• Đánh giá công nhận lại/ <i>Reaccreditation assessment</i>	2 MD
• Đánh giá mở rộng/ <i>Extension assessment</i>	1 MD mỗi nhóm/ <i>each scope</i>
• Đánh giá tại các địa điểm khác ngoài trụ sở chính của TCCN (nếu có)/ <i>Assessment at sites of CB other than the main site (if any)</i>	1 MD mỗi địa điểm/ <i>each site</i>
• Giảm thời lượng đánh giá trong các trường hợp đánh giá kết hợp các hệ thống (giảm không quá)/ <i>Reduction of assessment duration in case of integrated assessment (reduction shall not exceed)</i>	30% tổng thời lượng đánh giá <i>30% of total assessment time</i>
Đánh giá chứng kiến/ <i>Witnessing assessment</i>	Theo thời lượng cuộc đánh giá được chứng kiến <i>According to the duration of the audit witnessed</i>
Thẩm xét hồ sơ/ <i>Reviewing of assessment records</i>	
• Đánh giá công nhận lần đầu/ <i>Initial assessment</i>	1 MD
• Các loại hình đánh giá khác/ <i>Other types of assessment</i>	0.5 MD

Ghi chú/ *Note:* MD (manday) – Ngày công đánh giá